

Số: /KL-STP

Quảng Ngãi, ngày tháng 12 năm 2021

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành quy định pháp luật về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Phổ Thuận, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Quyết định số 142/QĐ-STP ngày 02/11/2021 của Giám đốc Sở Tư pháp về việc thanh tra chuyên ngành việc chấp hành pháp luật về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND các xã Phổ Thuận, Phổ Cường, Phổ An, phường Phổ Văn, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; ngày 18/11/2021, Đoàn Thanh tra Sở Tư pháp đã tiến hành thanh tra tại UBND xã Phổ Thuận, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Xét Báo cáo số 25/BC-ĐTTr ngày 16/12/2021 của Trưởng Đoàn Thanh tra, Giám đốc Sở Tư pháp kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH, HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ

1. Đặc điểm, tình hình đơn vị

Phổ Thuận là xã đồng bằng nằm về phía Đông Bắc thị xã Đức Phổ, phía Đông giáp xã Phổ An, phường Phổ Văn, phía Tây giáp xã Phổ Phong, xã Phổ Nhơn, phía Nam giáp phường Phổ Ninh, phía Bắc giáp xã Đức Lĩnh, huyện Mộ Đức; tổng diện tích tự nhiên 1460,21 ha, địa giới hành chính của xã được phân thành 7 thôn, 28 khu dân cư với dân số khoảng 11.307 khẩu. Đa số người dân sống bằng nghề nông, đời sống còn gặp nhiều khó khăn.

Nhằm nâng cao nhận thức pháp luật về hộ tịch, chứng thực của cán bộ và Nhân dân trên địa bàn xã, trong năm qua, Lãnh đạo UBND xã Phổ Thuận đã chỉ đạo công chức tư pháp - hộ tịch xây dựng kế hoạch, phối hợp với các hội, đoàn thể tổ chức tuyên truyền, phổ biến những nội dung cơ bản của Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

UBND xã bố trí 01 công chức có trình độ chuyên môn đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của Luật Hộ tịch tham mưu thực hiện công tác tư pháp; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác tư pháp được UBND xã trang bị đầy đủ đáp ứng nhu cầu công tác tư pháp địa phương.

2. Kết quả thực hiện

Trong thời kỳ thanh tra, UBND xã Phổ Thuận đã thực hiện đăng ký 698 sự kiện hộ tịch và chứng thực 73 hợp đồng, giao dịch. Cụ thể:

2.1. Về đăng ký hộ tịch

SỰ KIỆN HỘ TỊCH	Năm 2020 <i>(từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020)</i>
Đăng ký khai sinh	396
Trong đó: - Đúng hạn	154
- Quá hạn	21
- Đăng ký lại	221
Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	148
Đăng ký kết hôn	73
Đăng ký khai tử	81
Trong đó: - Đúng hạn	22
- Quá hạn	59
Tổng cộng	698

2.2. Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch

LOẠI HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH	Năm 2020 <i>(từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020)</i>
Chuyển nhượng	12
Tặng cho	11
Thế chấp	32
Phân chia di sản thừa kế	16
Các loại hợp đồng, giao dịch khác	02
Tổng cộng	73

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

Kết quả kiểm tra sổ sách, hồ sơ đăng ký hộ tịch và hợp đồng, giao dịch do UBND xã Phổ Thuận thực hiện từ ngày 01/01/2020 - 31/12/2020. Cụ thể như sau:

1. Công tác đăng ký và quản lý hộ tịch

1.1. Sổ đăng ký hộ tịch

- UBND xã sử dụng các loại Sổ đăng ký hộ tịch đúng biểu mẫu Sổ hộ tịch được ban hành kèm theo Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.

- Thông tin về các sự kiện hộ tịch của cá nhân sau khi đăng ký được ghi đầy đủ, kịp thời vào Sổ hộ tịch. Thực hiện đóng dấu giáp lai, khóa Sổ đầy đủ.

- 01 trường hợp (số đăng ký 35/2020), UBND xã đăng ký khai tử, người đi đăng ký khai tử không ký tên vào Sổ đăng ký khai tử là vi phạm quy định về thủ

tục đăng ký khai tử tại khoản 2 Điều 33 Luật Hộ tịch: *Ngay sau khi nhận giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu thấy việc khai tử đúng thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung khai tử vào Sổ hộ tịch, cùng người đi khai tử ký tên vào Sổ hộ tịch và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trích lục cho người đi khai tử.*

1.2. Hồ sơ đăng ký hộ tịch

a) Đăng ký khai sinh

- Hồ sơ số 150/2020, ngày 13/8/2020, UBND xã đăng ký khai sinh cho Nguyễn Lê Minh Khoa, sinh ngày 28/11/2019, hồ sơ chỉ có văn bản thừa nhận con chung, không có tài liệu chứng minh cha mẹ đã đăng ký kết hôn nhưng ghi tên người cha trong Giấy khai sinh là không đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP: *Trường hợp con do người vợ sinh ra trước thời điểm đăng ký kết hôn, chưa được đăng ký khai sinh mà khi đăng ký khai sinh, vợ chồng có văn bản thừa nhận là con chung thì thông tin về người cha được ghi ngay vào Giấy khai sinh của người con mà không phải làm thủ tục đăng ký nhận cha, con.*

- Hồ sơ đăng ký lại khai sinh số 197/2020: Nội dung tờ khai kèm theo ghi họ và tên người cha Nguyễn Đy và người mẹ Nguyễn Thị Đy nhưng UBND xã đăng ký lại khai sinh ghi họ và tên người cha Nguyễn Đùng và người mẹ Nguyễn Thị Tám là vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP: *Trường hợp người yêu cầu không có bản sao Giấy khai sinh nhưng hồ sơ, giấy tờ cá nhân có sự thống nhất về nội dung khai sinh thì đăng ký lại theo nội dung đó. Nếu hồ sơ, giấy tờ không thống nhất về nội dung khai sinh thì nội dung khai sinh được xác định theo hồ sơ, giấy tờ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp chính thức hợp lệ đầu tiên; riêng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người đang công tác trong lực lượng vũ trang thì nội dung khai sinh được xác định theo văn bản của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này.*

- 07 trường hợp, UBND xã đăng ký lại khai sinh, việc xác định thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con không đảm bảo theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP. Cụ thể:

+ 05 trường hợp (hồ sơ các số 311, 314, 320, 323, 329/2020), công chức tư pháp - hộ tịch hướng dẫn người dân tự liên hệ cơ quan công an để xác minh về nhân khẩu và làm bản cam đoan.

+ 02 trường hợp (hồ sơ các số 181, 190/2020), hồ sơ không có văn bản cam đoan về thông tin của cha, mẹ của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP quy định: *Trường hợp giấy tờ của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh không có thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con thì cơ quan đăng ký hộ tịch có văn bản đề nghị cơ quan công an có thẩm quyền xác minh. Trường hợp cơ quan công an trả lời không có thông tin thì cơ quan đăng ký hộ tịch cho người yêu cầu đăng ký lại khai sinh lập văn bản cam đoan về thông tin của cha, mẹ theo quy định tại Điều 4,*

Điều 5 Thông tư này và xác định nội dung khai sinh theo văn bản cam đoan. Theo đó, khi hồ sơ đăng ký lại khai sinh không có giấy tờ chứng minh quan hệ cha, mẹ, con, UBND xã phải gửi văn bản đề nghị cơ quan công an xác minh, nếu cơ quan công an trả lời không có thông tin thì UBND xã mới hướng dẫn công dân lập văn bản cam đoan về thông tin của cha, mẹ.

b) Đăng ký kết hôn

Hồ sơ số 59/2020, ngày 17/9/2020, UBND xã đăng ký kết hôn, nội dung Tờ khai đăng ký kết hôn của công dân không thể hiện ngày xác lập quan hệ hôn nhân, không thể hiện việc đăng ký lại kết hôn hay đăng ký hôn nhân thực tế, hồ sơ không có giấy tờ chứng minh về ngày xác lập quan hệ hôn nhân, nhưng UBND xã ghi ngày xác lập quan hệ hôn nhân (01/01/1984) trong Sổ đăng ký kết hôn là không có cơ sở.

2. Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch

2.1. Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch

UBND xã sử dụng Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch đảm bảo theo biểu mẫu Sổ được ban hành kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

2.2. Hồ sơ chứng thực hợp đồng, giao dịch

- Nhiều trường hợp, UBND xã chứng thực hợp đồng, giao dịch, hồ sơ lưu không đầy đủ các giấy tờ theo quy định của khoản 3 Điều 14 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: *“Đối với việc chứng thực hợp đồng, giao dịch, cơ quan thực hiện chứng thực phải lưu một bản chính hợp đồng, giao dịch kèm theo hồ sơ; thời hạn lưu trữ là 20 (hai mươi) năm”* và khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định hồ sơ yêu cầu chứng thực hợp đồng, giao dịch: *“Người yêu cầu chứng thực nộp 01 (một) bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực, gồm các giấy tờ sau đây: a) Dự thảo hợp đồng, giao dịch; b) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực; c) Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó; trừ trường hợp người lập di chúc đang bị cái chết đe dọa đến tính mạng. Bản sao giấy tờ quy định tại Điểm b và Điểm c của Khoản này được xuất trình kèm bản chính để đối chiếu”*, như: Hồ sơ số 17 ngày 27/3/2020, không có Giấy CMND của bên chuyển nhượng; hồ sơ số 37 ngày 10/7/2020, không có Giấy CMND của bên tặng cho; hồ sơ số 47 ngày 06/8/2020, không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hồ sơ số 54 ngày 31/8/2020, không có Giấy CMND của người yêu cầu chứng thực;...

- Một số trường hợp, UBND xã chứng thực hợp đồng, giao dịch, các trang của hợp đồng, giao dịch không đánh số thứ tự hoặc không có chữ ký của người có thẩm quyền chứng thực và người tiếp nhận hồ sơ là không đúng quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và khoản 2 Điều 20 Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và

hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, như: Hồ sơ số 07 ngày 26/02/2020; hồ sơ số 31 ngày 06/7/2020; hồ sơ số 45, 46 ngày 04/8/2020; hồ sơ số 48 ngày 13/8/2020; hồ sơ số 49 ngày 17/8/2020; hồ sơ số 52 ngày 28/8/2020; hồ sơ số 70 ngày 11/12/2020;...

Tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định: “...Đối với hợp đồng, giao dịch có từ 02 (hai) trang trở lên, thì từng trang phải được đánh số thứ tự, có chữ ký của người yêu cầu chứng thực và người thực hiện chứng thực; số lượng trang và lời chứng được ghi tại trang cuối của hợp đồng, giao dịch. Trường hợp hợp đồng, giao dịch có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai”; và tại khoản 2 Điều 20 Thông tư số 01/2020/TT-BTP quy định: “Người tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra giấy tờ, hồ sơ. Nếu thấy đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, thì ký vào từng trang của hợp đồng, giao dịch trước khi người có thẩm quyền thực hiện chứng thực hợp đồng, giao dịch theo quy định”.

- 02 trường hợp, UBND xã chứng thực hợp đồng, giao dịch, thông tin về ngày chứng thực, ngày ký chứng thực không thống nhất. Cụ thể: Hồ sơ số 03 ngày 10/01/2020, ngày chứng thực ghi bằng số là ngày 10/01/2020 nhưng ngày chứng thực ghi bằng chữ là “ngày mười bốn, tháng một, năm hai nghìn không trăm hai mươi”; hồ sơ số 35 ngày 09/7/2020, ngày chứng thực là ngày 09/7/2020 nhưng ngày ký chứng thực là 15/7/2020.

- Hồ sơ chứng thực hợp đồng thế chấp số 48 ngày 13/8/2020:

Hợp đồng thế chấp ghi bên thế chấp là Nguyễn Thị Thơm, người thừa kế, đồng sở hữu là Lữ Thị Thêm (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ ghi tên bà Nguyễn Thị Thơm) nhưng lời chứng chứng thực hợp đồng thế chấp lại ghi bên thế chấp là Nguyễn Thị Thơm, Nguyễn Thị Thêm là không đúng với thông tin thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hợp đồng thế chấp.

- Hồ sơ chứng thực hợp đồng thế chấp số 52 ngày 28/8/2020:

Nội dung hợp đồng thế chấp là thế chấp giữa 03 bên gồm: Bên nhận thế chấp là Quỹ Tín dụng nhân dân, bên vay vốn là Nguyễn Nga, bên thế chấp là Nguyễn Nhung nhưng lời chứng chứng thực hợp đồng chỉ chứng thực thế chấp 02 bên gồm: Bên nhận thế chấp là Quỹ Tín dụng nhân dân và bên thế chấp là Nguyễn Nga. Vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của Nguyễn Nhung, không phải là Nguyễn Nga. Nguyễn Nhung thế chấp quyền sử dụng đất của mình để đảm bảo cho việc vay vốn của Nguyễn Nga. Do đó, việc chứng thực Nguyễn Nga là bên thế chấp vay vốn là không đúng.

- Hồ sơ chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 58 ngày 04/11/2020:

Nội dung Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế không chính xác nhưng UBND xã vẫn thực hiện chứng thực. Cụ thể:

Tại đoạn cuối trang số 01 của Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế có nội dung: Bà Lữ Thị Điền (chết năm 2010) có 04 người con là Nguyễn Thị Đông, Nguyễn Thị Hòa, Nguyễn Văn Dũng và Nguyễn Thị Nghĩa (chết có con

duy nhất là Phùng Văn Phương) nhưng đoạn thứ 2 từ dưới lên của trang số 01 có nội dung: “Ngoài ra bà Nguyễn Thị Đông có một người con gái tên là Nguyễn Thị Nghĩa, sinh ngày 07/02/1961 (đã chết ngày 04/01/2018)...”, nội dung này không chính xác. Vì bà Nguyễn Thị Nghĩa là con của bà Lữ Thị Điền, không phải con của bà Nguyễn Thị Đông.

Đồng thời, tại phần xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Lữ Thị Điền còn thể hiện thông tin *“bà Nguyễn Thị Năm chỉ có chồng duy nhất là ông Nguyễn Huyền”*, tuy nhiên, liên kết các thông tin thể hiện tại Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế cho thấy bà Nguyễn Thị Năm và ông Nguyễn Huyền không có mối quan hệ gì với bà Lữ Thị Điền.

Ngoài ra, việc UBND xã chứng thực đối với Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế khi Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế chưa xác định chồng của bà Lữ Thị Điền là chưa đảm bảo tính chính xác. Vì theo quy định của điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015 thì *“Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết”*.

- 01 trường hợp, UBND xã chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế nhưng Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế có 02 nội dung khác nhau là thừa kế di sản và tặng cho phần tài sản trong khối tài sản chung của các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp từ những người không được hưởng thừa kế là không đảm bảo theo quy định Thông tư số 01/2020/TT-BTP. Cụ thể:

Hồ sơ chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 29 ngày 02/7/2020: Ông Nguyễn Tý (chết năm 2013) có 02 người con là ông Nguyễn Văn Đạt và ông Nguyễn Văn Đào. Ông Nguyễn Văn Đạt có vợ là Huỳnh Thị Kim Hoa, con là Nguyễn Thị Hồng Thắm. Ông Nguyễn Văn Đào có vợ là Nguyễn Thị Dung, con là Nguyễn Thị Thiệp, Nguyễn Thị Chúc, Nguyễn Văn Thọ. Ông Tý chết để lại 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp ghi hộ ông Nguyễn Tý. Thời điểm cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp, hộ ông Nguyễn Tý có 09 người gồm: Nguyễn Tý, Nguyễn Văn Đạt, Nguyễn Văn Đào, Huỳnh Thị Kim Hoa, Nguyễn Thị Hồng Thắm, Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Thị Thiệp, Nguyễn Thị Chúc, Nguyễn Văn Thọ.

Nội dung của Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, ngoài việc khai nhận và tặng cho phần di sản thừa kế được hưởng của ông Nguyễn Văn Đào cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đạt và bà Huỳnh Thị Kim Hoa, còn có nội dung thỏa thuận tặng cho phần tài sản trong khối tài sản chung của các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Tý đại diện hộ gia đình đứng tên từ bà Nguyễn Thị Hồng Thắm, Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Thị Thiệp, Nguyễn Thị Chúc, Nguyễn Văn Thọ cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đạt và bà Huỳnh Thị Kim Hoa. Việc chứng thực đối với trường hợp này là không đảm bảo theo quy định của Thông tư số 01/2020/TT-BTP. Vì nội dung lời chứng chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo quy định của Thông tư số 01/2020/TT-BTP là *“Các ông/bà có tên trên cam đoan không bỏ sót người thừa kế và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản thỏa thuận phân chia di sản. Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ yêu cầu và chứng thực, những người thỏa thuận phân*

chia di sản mình mãi, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, tự nguyện thỏa thuận phân chia di sản và đã cùng ký/điểm chỉ vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản này trước mặt ông/bà ... là người tiếp nhận hồ sơ” , theo đó, chỉ chứng thực đối với vấn đề phân chia di sản thừa kế, không chứng thực đối với việc tặng cho tài sản không phải là di sản thừa kế. Vì vậy, trong trường hợp này, UBND xã phải tách thành 02 hồ sơ là hồ sơ chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế (giữa ông Nguyễn Văn Đào với ông Nguyễn Văn Đạt) và hồ sơ tặng cho tài sản (giữa bà Nguyễn Thị Hồng Thắm, Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Thị Thiệp, Nguyễn Thị Chúc, Nguyễn Văn Thọ với vợ chồng ông Nguyễn Văn Đạt và bà Huỳnh Thị Kim Hoa).

III. KẾT LUẬN

1. Ưu điểm

Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Phổ Thuận, trong năm qua, đã đạt được một số kết quả nhất định: Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hộ tịch và chứng thực được Lãnh đạo UBND xã quan tâm, chỉ đạo thực hiện; công tác tham mưu của công chức tư pháp - hộ tịch xã trong giải quyết các việc về đăng ký hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch cơ bản thực hiện đúng quy định pháp luật; việc sử dụng biểu mẫu về hộ tịch, chứng thực đảm bảo theo biểu mẫu quy định.

2. Tồn tại, sai sót

2.1. Đăng ký hộ tịch

- 01 trường hợp (hồ sơ số 150/2020), UBND xã đăng ký khai sinh cho trẻ em, hồ sơ không đủ cơ sở để xác định người cha trong Giấy khai sinh, không đảm bảo quy định tại khoản 3 Điều 16 Thông tư số 04/2020/TT-BTP.

- 01 trường hợp (hồ sơ số 197/2020), UBND xã đăng ký lại khai sinh, nội dung khai sinh đăng ký lại không đúng nội dung giấy tờ, tài liệu kèm theo, vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP.

- 07 trường hợp (hồ sơ các số 181, 190, 311, 314, 320, 323, 329/2020), UBND xã đăng ký lại khai sinh, hồ sơ không đảm bảo giấy tờ chứng minh quan hệ cha, mẹ, con theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP.

- Hồ sơ số 59/2020, ngày 17/9/2020, UBND xã đăng ký kết hôn, nội dung Tờ khai đăng ký kết hôn của công dân không thể hiện ngày xác lập quan hệ hôn nhân, không thể hiện việc đăng ký lại kết hôn hay đăng ký hôn nhân thực tế, không có giấy tờ chứng minh ngày xác lập quan hệ hôn nhân, nhưng UBND xã ghi ngày xác lập quan hệ hôn nhân (01/01/1984) là không có cơ sở.

- 01 trường hợp (số đăng ký 35/2020), UBND xã đăng ký khai tử, người đi đăng ký khai tử không ký vào Sổ khai tử, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật Hộ tịch.

2.2. Chứng thực hợp đồng, giao dịch

- Nhiều trường hợp, UBND xã lưu trữ hồ sơ chứng thực không đúng quy định tại khoản 3 Điều 14 và khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, như: hồ sơ chứng thực số 17, 37, 47, 54/2020.

- Một số trường hợp, không đánh số thứ tự hoặc không có chữ ký của người có thẩm quyền chứng thực và người tiếp nhận hồ sơ ở các trang của hợp đồng, giao dịch, không đúng quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và khoản 2 Điều 20 Thông tư số 01/2020/TT-BTP, như: hồ sơ số 07, 31, 45, 46, 48, 49, 52, 70/2020.

- 02 trường hợp (hợp đồng, giao dịch chứng thực số 03, 35/2020), UBND xã thực hiện chứng thực, ghi thông tin về ngày chứng thực, ngày ký chứng thực không thống nhất.

- 02 trường hợp (hồ sơ số 48, 52/2020), UBND xã chứng thực hợp đồng thế chấp, thông tin về bên thế chấp tại trang lời chứng không đúng với thông tin trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thông tin về bên thế chấp tại trang 01 hợp đồng thế chấp.

- 01 trường hợp (hồ sơ số 58/2020), UBND xã chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, xác định người thừa kế trong Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế không chính xác, chưa đảm bảo theo quy định của điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015.

- 01 trường hợp (hồ sơ số 29/2020), UBND xã chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế có 02 nội dung là phân chia di sản thừa kế và tặng cho phần tài sản của những người không được hưởng thừa kế trong khối tài sản chung là không đảm bảo quy định về mẫu lời chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP.

3. Trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan

Chủ tịch UBND xã Phổ Thuận là người có thẩm quyền ký các giấy tờ hộ tịch, chứng thực các hợp đồng, giao dịch và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc thực hiện công tác này nhưng chưa thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở; chưa chỉ đạo sâu sát, chặt chẽ đối với công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch trên địa bàn xã. Bên cạnh đó, công chức tư pháp - hộ tịch khi tiếp nhận hồ sơ của công dân, chưa hướng dẫn công dân thực hiện đầy đủ theo đúng quy định pháp luật, việc áp dụng quy định pháp luật trong một số trường hợp giải quyết hồ sơ của công dân chưa chuẩn xác, dẫn đến sai sót trong thực hiện đăng ký hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch như đã nêu trên.

IV. KIẾN NGHỊ

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2010 và các văn bản có liên quan, trên cơ sở kết quả thanh tra, xét tính chất và mức độ các sai phạm; Giám đốc Sở Tư pháp kiến nghị như sau:

1. Đối với UBND xã Phổ Thuận

1.1. UBND xã tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch; đồng thời, tổ

chức rút kinh nghiệm đối với những tồn tại, sai sót đã nêu tại Mục II, III Kết luận này.

1.2. Chủ tịch UBND xã chỉ đạo công chức tư pháp - hộ tịch rà soát, khắc phục những sai sót, cụ thể:

- Về hồ sơ đăng ký hộ tịch:

Kiểm tra xác định thông tin cha mẹ của người yêu cầu đăng ký khai sinh trong hồ sơ đăng ký lại khai sinh số 197/2020; Bổ sung giấy tờ còn thiếu đối với hồ sơ đăng ký khai sinh số 150/2020 và các hồ sơ đăng ký lại khai sinh số 181, 190, 311, 314, 320, 323, 329/2020; bổ sung giấy tờ chứng minh ngày xác lập quan hệ hôn nhân tại hồ sơ số 59/2020, ngày 17/9/2020; lấy chữ ký người đi khai tử trong Sổ đăng ký khai tử (số đăng ký 35/2020).

- Về hồ sơ chứng thực hợp đồng, giao dịch:

Kiểm tra, rà soát những hợp đồng, giao dịch chưa được đánh số thứ tự và thiếu chữ ký trong từng trang của hợp đồng, giao dịch để bổ sung, như hồ sơ số 07, 31, 45, 46, 48, 49, 52, 70/2020...; Bổ sung, hoàn thiện đối với những hồ sơ chứng thực hợp đồng, giao dịch lưu không đầy đủ giấy tờ, như hồ sơ số 17, 37, 47, 54/2020...

1.3. Về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch: Lãnh đạo UBND và công chức tư pháp - hộ tịch xã Phổ Thuận cần nghiên cứu, nắm vững các quy định của Luật Hộ tịch năm 2014, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, Thông tư số 04/2020/TT-BTP và các văn bản khác có liên quan để giải quyết các yêu cầu của công dân về đăng ký hộ tịch đúng quy định của pháp luật.

Đối với các hồ sơ đăng ký lại khai sinh, không có giấy tờ chứng minh quan hệ cha, mẹ, con, UBND xã phải có văn bản đề nghị cơ quan công an có thẩm quyền xác minh thông tin về nhân thân của người đăng ký khai sinh. Nếu cơ quan công an có thẩm quyền có văn bản trả lời không có thông tin hoặc không có văn bản trả lời về nhân thân của người đăng ký khai sinh thì công chức tư pháp - hộ tịch hướng dẫn công dân làm văn bản cam đoan về thông tin của cha, mẹ của người đăng ký lại khai sinh theo quy định tại khoản 4, Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP; về nội dung khai sinh đăng ký lại phải tuân thủ đúng quy định tại khoản 5 Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP.

1.4. Về công tác chứng thực:

- Khi thực hiện chứng thực hợp đồng, giao dịch, tùy vào đối tượng tài sản của hợp đồng, giao dịch, ngoài việc tuân thủ các quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Thông tư số 01/2020/TT-BTP; các bên tham gia giao dịch và cơ quan có thẩm quyền chứng thực cần phải tuân thủ các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Phải thực hiện lưu trữ hồ sơ chứng thực; ghi chép thông tin trong văn bản chứng thực đầy đủ, chính xác theo đúng quy định; xác định đúng người được hưởng di sản thừa kế theo quy định của Bộ luật Dân sự khi chứng thực các hợp đồng, giao dịch liên quan đến di sản thừa kế.

- Theo hướng dẫn của Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực - Bộ Tư pháp tại Công văn số 842/HTQTCT-CT ngày 26/5/2016 về việc quán triệt thực hiện một số quy định về chứng thực: Theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, người yêu cầu chứng thực phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung, tính hợp pháp của hợp đồng, giao dịch; người thực hiện chứng thực chịu trách nhiệm về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch. Quy định như vậy không có nghĩa là người thực hiện chứng thực không phải chịu trách nhiệm gì đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội mà với trách nhiệm của một cán bộ, công chức bắt buộc phải biết để từ chối chứng thực theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Do vậy, để bảo vệ quyền lợi của người dân và bảo đảm thực hiện đúng quy định pháp luật, khi chứng thực hợp đồng giao dịch, Chủ tịch UBND xã Phổ Thuận phải xem xét đến nội dung của hợp đồng, giao dịch, đặc biệt đối với hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất.

2. Đối với Phòng Tư pháp thị xã Đức Phổ

Thường xuyên kiểm tra, phối hợp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ hộ tịch, chứng thực cho đội ngũ công chức tư pháp - hộ tịch trên địa bàn; tham mưu bố trí đội ngũ công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã đảm bảo về số lượng và tiêu chuẩn theo quy định của Luật Hộ tịch, nhằm đảm bảo thực hiện tốt công tác tham mưu trong lĩnh vực hộ tịch và chứng thực ở địa phương.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Yêu cầu UBND xã Phổ Thuận tổ chức niêm yết công khai Kết luận thanh tra này tại trụ sở làm việc của UBND xã trong 15 ngày liên tục theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 46 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ. Trong thời hạn 30 ngày, UBND xã Phổ Thuận phải báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra về Sở Tư pháp (qua Thanh tra Sở) để theo dõi, đôn đốc, kiểm tra theo quy định tại Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ.

2. Giao Chánh Thanh tra sở theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra và báo cáo Giám đốc Sở theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND xã Phổ Thuận;
- Thanh tra Bộ Tư pháp;
- Thanh tra tỉnh;
- UBND thị xã Đức Phổ;
- Phòng Tư pháp thị xã Đức Phổ;
- GD, các PGD Sở;
- CVP, CTr sở;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu: VT, TTr (dt).

GIÁM ĐỐC

Tôn Long Hiếu